

Số: 1401 /PCCC
V/v hướng dẫn áp dụng một số
nội dung mới trong Quy chuẩn sửa đổi
1:2023 QCVN 06:2022/BXD

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.....

Thực hiện Kế hoạch số 513/KH-BCA-C07, ngày 07/10/2022 của Bộ Công an, Kế hoạch số 6784/KH-CAT-PC07, ngày 10/10/2022 của Công an tỉnh Quảng Ninh, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã tiến hành tổng rà soát, kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH đối với các cơ sở thuộc diện quản lý trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, phát hiện nhiều cơ sở còn tồn tại, vi phạm trong công tác PCCC và đã được hướng dẫn, nhắc nhở, kiến nghị bằng văn bản. Tuy nhiên đến nay, việc khắc phục tồn tại của nhiều cơ sở còn chưa được thực hiện do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về đặc điểm kết cấu, kiến trúc công trình.

Ngày 16/10/2023, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BXD ban hành sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, có hiệu lực từ ngày 01/12/2023, trong đó có nhiều điểm tháo gỡ liên quan đến hệ thống kỹ thuật, kết cấu, công năng công trình. Phòng PC07 hướng dẫn một số nội dung mới của bản sửa đổi này để quý cơ quan nghiên cứu, triển khai thực hiện khắc phục các tồn tại, cụ thể như sau:

1. Quy định về giao thông phục vụ công tác chữa cháy

- Không quy định khoảng cách từ mép đường đến tường nhà khi không yêu cầu cứu nạn trên cao và lực lượng chữa cháy có phương án khác để tiếp cận chữa cháy (Mục 6.2.2.3).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các trường hợp nhà nhóm F5 khi không đáp ứng được khoảng cách từ mép đường cho xe chữa cháy đến tường của nhà phải không lớn hơn 5 m đối với các nhà có chiều cao PCCC nhỏ hơn 12 m, không lớn hơn 8 m đối với các nhà có chiều cao PCCC từ 12 m đến 28 m và không lớn hơn 10 m đối với các nhà có chiều cao PCCC trên 28 m.

2. Quy định về khoảng cách an toàn về PCCC

- Không quy định khoảng cách giữa các nhà và công trình công cộng khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H). Trong trường hợp nhà thuộc nhóm F1.1, F4.1 thì không được bố trí các phòng kho, bếp ăn tại khu vực tiếp giáp giữa hai nhà.

- Cho phép giảm 50% khoảng cách phòng cháy chống cháy quy định trong Bảng E.1, Phụ lục E đối với các nhà, công trình có bậc chịu lửa I và II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0 và mỗi nhà đều được trang bị chữa cháy tự động toàn nhà.

- Nếu khoảng cách giữa các công trình không bảo đảm theo yêu cầu tại Bảng E.1 và E.2, Phụ lục E thì có thể áp dụng Bảng E.3 và E.4a, E.4b, Phụ lục E

- Nhà công cộng áp dụng tính phần trăm lỗ mở trên tường ngoài theo Bảng E.4a, E.4b, Phụ lục E; diện tích lỗ mở của tường ngoài khi tính khoảng cách đến đường ranh giới cho phép nhân đôi diện tích lỗ mở khi nhà có sprinkler hoặc cho phép áp dụng giải pháp ngăn cháy bằng tường kính kết hợp sprinkler quy định tại Mục 4.35 đối với ô cửa E60 trở xuống (E.3.3).

Lưu ý: Có thể áp dụng các quy định trên để tháo gỡ đối với các công trình không bảo đảm khoảng cách PCCC, đặc biệt là công trình xây liền kề nhau, đặc biệt là các nhà xưởng trong cụm công nghiệp; ví dụ: Hai nhà xưởng hạng C đặt cạnh nhau (cách nhau 0m), tiếp giáp bằng tường gạch lửng, trên khung thép ốp tôn, không bảo đảm khoảng cách theo Bảng E.2, Phụ lục E, khi đó áp dụng Bảng E.3, Phụ lục E, thì chỉ cần tường ngoài tiếp giáp giữa hai nhà cải tạo thành tường bằng khung xương thép có lớp ngoài bằng tấm vật liệu không cháy và lớp trong là lớp trát xi măng cát hoặc thạch cao dày 12,5 mm trên lưới thép là bảo đảm khoảng cách an toàn về PCCC hoặc các giải pháp khác quy định tại Bảng F.2.

3. Quy định về bậc chịu lửa

- Không quy định giới hạn chịu lửa của tấm lợp trừ nhà F.5 hạng A, B (Bảng 4).

- Không quy định giới hạn chịu lửa của xà gỗ (trừ F3.1 – trung tâm thương mại, F3.2 – Nhà hàng, F.5 hạng A, B) khi cách nền 6,1m đối với hạng D, E; cách 10m đối với nhà hạng C và phải được trang bị hệ thống Sprinkler, tải trọng treo thêm trên xà gỗ $< 10\text{kg/m}^2$ (Bảng 4).

- Không quy định giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực nếu nó không được sử dụng để ngăn cháy theo phương ngang và phương đứng quy định tại Mục 4.32 và Mục 4.33 (Bảng 4).

- Không quy định giới hạn chịu lửa của bản thang và chiếu thang khi tường buồng thang đáp ứng yêu cầu của Bảng 4.

Lưu ý: Tháo gỡ cho các nhà công nghiệp nhóm F5

- Đối với lớp cách nhiệt mái trước đây phải vật liệu không cháy nay có thể dùng vật liệu cháy yếu Ch1 và lan truyền yếu LT2.

- Trước có yêu cầu nay không quy định giới hạn chịu lửa của tấm lợp, xà gỗ khi đáp ứng các yêu cầu kèm theo tại Chú thích 2, Bảng 4.

- Cầu thang khi được đặt trong buồng thang có thể dùng cầu thang sắt không cần giải pháp nâng bậc chịu lửa khi tường buồng thang bảo đảm giới hạn chịu lửa của nhà theo Bảng 4.

4. Quy định về lối thoát nạn

4.1- Khe hở giữa các vế thang cho phép giảm từ 100mm còn 75mm nếu không bảo đảm chiều rộng khe hở thì phải bố trí hõng khô tại các tầng, không quy định khe hở đối với thang loại 3 (Mục 6.12).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các trường hợp không đủ không gian để làm vế thang rộng 100mm theo yêu cầu của Mục 3.4.1.

4.2- Thang bộ chung từ hầm lên của nhà > 28m phải có lối ra bên ngoài riêng, nhà F1.2, F1.3, F2, F3, F4 dưới 28m cho phép đi qua sảnh chung (Mục 3.2.2).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các nhà công cộng có chiều cao dưới 28m có cầu thang bộ đi từ tầng hầm và tầng bán hầm lên tầng 1; không phải bố trí lối đi ra ngoài trực tiếp tại tầng 1 mà có thể đi vào sảnh của nhà nếu đáp ứng các điều kiện nêu tại Mục 3.2.2.

4.3- Cho phép cửa trượt, cửa xếp trên lối thoát nạn, nếu cửa này không yêu cầu chống cháy hoặc tự đóng hoặc trong nhà F1.3 hoặc mầm non tiểu học; khi đó phải có biển báo về loại cửa và hướng mở (Mục 3.2.3).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các nhà có sử dụng cửa trượt, cửa xếp tại các tầng, đặt biệt là các văn phòng cho thuê hay khu vực sảnh của tầng 1 thoát ra ngoài trời.

4.4- Tầng nhà cho phép 1 lối thoát nạn (Mục 3.2.6.2):

+ Nhà <15m yêu cầu diện tích <300m² và số người <20; đối với nhà 3 tầng hoặc có chiều cao PCCC dưới 9m cho phép thang loại 2 là thang thoát nạn khi có lối thoát nạn khẩn cấp thứ 2 qua ban công, lô gia, cửa sổ, sân thượng (a-3.2.6.2).

+ Nhà 15-21m yêu cầu diện tích < 200m², số người < 20, có sprinkler cho phép thay thế sprinkler bằng báo cháy khói; có lối thoát nạn khẩn cấp thứ 2 được hỗ trợ thoát nạn bằng thang P1, P2, thang dây, ống tụt ... hoặc lên sân thượng khi có cháy.

+ Nhà 21-25m yêu cầu diện tích <150m², số người <15, trang bị sprinkler; có lối thoát nạn khẩn cấp thứ 2 được hỗ trợ thoát nạn bằng thang P1, P2, thang dây, ống tụt ... hoặc lên sân thượng khi có cháy.

Lưu ý: Tháo gỡ cho các công trình công cộng thấp tầng (nhà nghỉ, khách sạn, karaoke...) không bố trí được 2 buồng thang kín thoát nạn.

4.5- Mục 4.27 quy định không yêu cầu giới hạn chịu lửa đối với vách ngăn khu vực có bố trí cầu thang bộ loại 2 hoặc hành lang thông với cầu thang bộ loại 2 (áp dụng cho cả 4.26) khi nhà (hoặc khoang cháy có cầu thang bộ loại 2) có chiều cao PCCC không lớn hơn 9 m với diện tích một tầng không quá 300 m² hoặc khi nhà có trang bị chữa cháy tự động (khi đó các khu vực có nguy hiểm cháy cao (ví dụ gian để xe, khu vực kinh doanh hàng hóa dễ cháy nổ và tương tự) phải được ngăn cách với cầu thang bộ loại 2 bằng vách ngăn cháy loại 1 hoặc giải pháp tương đương khác).

- Mục 3.2.6.2 quy định đối với nhà 3 tầng trở xuống hoặc có chiều cao PCCC dưới 9m được sử dụng thang bộ loại 2 để thoát nạn khi người trong nhà có

thể thoát ra lối thoát nạn khẩn cấp (ban công, lo gia) hoặc lên được sân thượng khi có cháy và thang loại 2 phải được ngăn cách với khu vực tầng hầm bằng vách ngăn cháy loại 2.

Lưu ý: Tháo dỡ cho yêu cầu phải có giải pháp ngăn cháy đối với công trình cầu thang bộ loại 2 (thang hở trong nhà) khi không thể cải tạo được cầu thang thành buồng thang kín hoặc bố trí các giải pháp ngăn cháy có chi phí cao. Ngoài ra đối với nhà đáp ứng được tiêu chuẩn tại mục 3.2.6.2 có thể sử dụng thang bộ loại 2 làm thang thoát nạn đối với nhà 3 tầng trở xuống.

4.6- Mục 3.3.5 quy định hành lang dài trên 60m ngoài yêu cầu được chia bằng vách ngăn cháy loại 2 còn có thể dùng vách ngăn khói, màn ngăn khói có mép dưới cách sàn 2,5m (Mục 3.3.5).

Lưu ý: Tháo dỡ cho các nhà có hành lang trên 60m, không phải sử dụng cửa ngăn chia hành lang mà có thể dùng màn khói hạ từ trần hành lang xuống để ngăn chia.

4.7- Một số quy định cho phép giảm chiều rộng thang bộ thoát nạn:

- Mục 3.4.1 quy định đối với nhà nhóm F1.1 (bệnh viện, mẫu giáo) cho phép giảm còn 1,2m; nếu số người thoát nạn qua thang < 15 người thì cho phép 1m; cho phép thang bộ giảm từ 0,9m thông thường xuống 0,7m khi chiều cao nhà < 15m và số người mỗi tầng < 15 người.

- Mục 1.5.5 cho phép kích thước cửa, hành lang, thang bộ, thang máy sai số +5%.

4.8- Mục 3.4.5 quy định cho phép trong buồng thang bố trí thông với nhà vệ sinh và phòng kỹ thuật nước

Lưu ý: Tháo dỡ cho các trường hợp bên trong cầu thang bộ có bố trí nhà vệ sinh và phòng kỹ thuật nước, quy chuẩn cũ không cho phép bố trí.

4.9- Mục 3.4.8 quy định trường hợp buồng thang không có lỗ lấy sáng trên tường thì phải có chiếu sáng nhân tạo và bố trí lỗ thoát khói trên tum thang bằng 10% diện tích phủ bì sàn thang; không yêu cầu lỗ thoát khói trên tum đối với trường hợp nhà có 2 lối thoát nạn hoặc có lối thoát nạn khẩn cấp theo Mục 3.2.6.2

Lưu ý: Tháo dỡ cho các nhà liền kề không bố trí được lỗ chiếu sáng trên tường ngoài của buồng thang bộ.

4.10- Mục 3.4.11 quy định cho phép dùng thang loại 3 cho nhà đến 50m, yêu cầu từ 28m trở lên phải có biện pháp chống rơi ngã toàn bộ mặt ngoài của thang.

Lưu ý: Tháo dỡ cho các nhà cao tầng mà diện tích bên trong nhà nhỏ hẹp không bố trí được buồng thang bộ thứ 2.

4.11- Mục 3.4.4 quy định được sử dụng thang cong toàn phần hoặc một phần, thang với các bậc chéo khi đáp ứng được một trong hai điều kiện (1) có mặt

bậc thỏa mãn điều kiện tại 3.4.1 và 3.4.2 hoặc (2) sử dụng thang cong khi đáp ứng các điều kiện tại mục 3.4.4.

Trong các nhà nhóm F1.2, F1.3, F2, F3, F4, F5 với chiều cao PCCC không quá 15 m và số người tối đa trên mỗi tầng không quá 15 người, tại mỗi chiếu nghỉ hoặc góc xoay bản thang không quá 90° cho phép bố trí tối đa 3 bậc thang chéo (rẻ quạt).

Lưu ý: Có thể áp dụng quy định này để cho phép sử dụng các cầu thang với bậc chéo hoặc cầu thang cong.

5. Quy định về ngăn cháy, chống cháy lan

5.1- Mục 3.5.10 không quy định cấp nguy hiểm cháy vật liệu hoàn thiện trần, tường, sàn đối với các trường hợp:

- Gian phòng chung của nhà có sprinkler, trừ gian phòng nhà điều trị nội trú, cơ sở dưỡng lão $>20m^2$.

- Gian phòng chung của nhà có báo cháy tự động và kết cấu bao che gian phòng EI45 với nhà bậc I, II, III trên 28m; EI30 nhà bậc I, II, III nhà dưới 28m; EI 15 đối với nhà bậc IV.

- Nếu chiều dày không quá 1mm trên nền vật liệu không cháy.

- Tổng diện tích vật liệu dễ cháy $< 20\%$ và bố trí rời rạc (đối với sản phẩm cao su, nhựa $< 10\%$).

Trường hợp các gian phòng chung không đáp ứng được các yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy của vật liệu thì các gian phòng đó phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Được lắp đặt báo cháy tự động, (2) các kết cấu bao che của chúng phải là bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là: EI (hoặc EIW) 45 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và/hoặc chiều cao PCCC từ 28 m trở lên; EI (hoặc EIW) 30 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và chiều cao PCCC dưới 28 m; EI (hoặc EIW) 15 đối với nhà có bậc chịu lửa IV.

Lưu ý: Tháo gỡ cho các gian phòng chung trước có yêu cầu vật liệu hoàn thiện là vật liệu không cháy hoặc khó cháy.

5.2- Mục 3.5.10 quy định hành lang nhà có chữa cháy tự động thì cấp nguy hiểm cháy của vật liệu cho phép giảm một bậc.

Lưu ý: Tháo gỡ cho quy định trước yêu cầu vật liệu hoàn thiện khu vực hành lang các tầng là vật liệu không cháy hoặc khó cháy.

5.3- Ngăn công năng khác nhà bậc IV là EI15 thay vì EI45 như trước đây.

Lưu ý: Tháo gỡ cho các nhà, đặc biệt là nhà công nghiệp kết cấu thép bậc chịu lửa IV, giảm yêu cầu về ngăn cháy công năng từ EI45 xuống EI15.

5.4- Nhà F1, F2, F3, F4 không yêu cầu ngăn công năng khác đối với gian phòng F5 hạng C4, E; gian phòng kỹ thuật nước, gian phòng âm ướt, gian phòng nguy cơ cháy thấp, phòng kho nhỏ hơn $10m^2$ không chữa khí dễ cháy và chất lỏng

cháy, gian phòng không yêu cầu trang bị báo cháy, chữa cháy tự động, phòng chỉ phục vụ ăn uống không có bếp, các phòng họp nội bộ (Mục 4.5).

Lưu ý: Không phải trang bị cửa chống cháy, đầu báo cháy, chữa cháy cho các khu vực nêu tại Mục 4.5.

5.5- Không quy định cửa thang máy E30 đối với hành lang bên; cho phép sử dụng màn nước drencher thay cho cửa E30 (Mục 4.23).

Lưu ý: Áp dụng tháo gỡ cho các nhà hiện hữu có thang máy bên trong nhà và cửa thang máy không bảo đảm giới hạn chịu lửa E30.

6. Quy định về cấp nước chữa cháy

6.1- Mục 5.1.3.3 quy định nhà có lưu lượng ngoài nhà nhóm F1, F2, F3, F4 đến 15l/s hoặc 20l/s nhóm F5 cho phép tính trong 1 giờ (Mục 5.1.3.3).

- Mục 5.1.4.7 cho phép khoảng cách giữa 2 trụ nước chữa cháy là 400m

- Mục 5.1.5.9 cho phép bán kính phục vụ của trụ nước đường phố là 400 ở khu vực xe chữa cháy có máy bơm

- Mục 5.2.11 quy định bán kính phục vụ của họng nước cho phép nối ống dài đến 40m nhưng ống phải đấu sẵn với họng và treo ở dạng xếp trên giá đỡ

Lưu ý: Tháo gỡ cho các nhà không còn diện tích đất để xây dựng bể nước chữa cháy, khi việc tính toán nước chữa cháy ngoài nhà giảm xuống và việc sử dụng trụ nước của hạ tầng đô thị tăng bán kính bảo vệ.

7. Quy định về hệ thống hút khói

7.1- Một số nhà không phải thiết kế hút khói:

- Nhà F4 (trường tiểu học, đại học, trụ sở) có chiều dài hành lang > 15m, không có thông gió tự nhiên, có báo cháy khói hoặc sprinkler, từ 6 tầng trở xuống (c-D.2).

- Gian phòng hạng D, E (f-D.2).

Lưu ý: Các công trình dạng trên trước đây theo các tiêu chuẩn cũ phải lắp đặt hệ thống hút khói nhưng theo quy chuẩn mới có thể tháo gỡ không phải lắp đặt hệ thống hút khói.

7.2- Bổ sung thêm giải pháp thông gió tự nhiên hành lang và gian phòng qua các lỗ cửa phân bố đều với diện tích bằng 2,5% diện tích sàn và có mép dưới cách sàn >2,2m (Chú thích 4, D.2).

- Cho phép thông gió tự nhiên đối với nhà nhiều tầng (D.8).

- Không quy định giới hạn chịu lửa của đường ống hút khói, dẫn khí nếu có chiều dày 1,2mm và được bảo vệ bằng sprinkler phía trên và dưới đường ống (Chú thích 4 D.9).

- Không quy định chỉ tiêu cách nhiệt I đối với đường ống hút khói, dẫn khí nếu không có khả năng gây cháy hệ thống kỹ thuật khác, khu vực đường ống đi

qua và không làm tăng nhiệt độ không khí các khu vực trên đường thoát nạn quá 65°C.

Lưu ý: Tháo gỡ cho việc một số nhóm nhà không phải trang bị hệ thống hút khói sự cố và có thể sử dụng giải pháp thông gió tự nhiên cho một số loại nhà mà quy chuẩn trước có yêu cầu. Không yêu cầu phải bọc tầng giới hạn chịu lửa của đường ống hút khói khi nó bảo đảm theo Chú thích 4, D.9, Phụ lục D.

8. Quy định về khoang cháy

8.1- Bệnh viện cho phép cao trên 28m và 9 tầng nhưng tối đa 50 m khi thỏa mãn: (1) Bậc I chịu lửa, (2) trang bị báo cháy, chữa cháy tự động, (3) chiều cao tối đa phải bảo đảm cứu được người qua lối vào trên cao, (4) chiều rộng thang 1,35m, (5) chiều rộng cửa trên lối thoát nạn 1,2m, (6) vật liệu hoàn thiện trên lối thoát nạn CV1, (7) có 2 thang máy chữa cháy có thể thoát nạn cho bệnh nhân nằm giường, (8) các tầng nhà F1.1 trên 28m phải có vùng an toàn với định mức 2,8m²/bệnh nhân (H.2.9.1).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các bệnh viện trước chỉ cho xây dựng dưới 28m.

8.2- Trường THCS và THPT cho phép cao đến 25m (7 tầng) nếu nhà có 2 thang bộ thoát nạn (Bảng H.6).

Lưu ý: Tháo gỡ cho trường học trước cho xây dựng cao quá 3 tầng.

8.3- Cho phép các gian phòng đông người của nhóm F1.1 bố trí trên 2 tầng theo bảng H.8 nếu nhà trang bị báo cháy hoặc chữa cháy tự động hoặc có 2 buồng thang (Chú thích 2 Bảng H.8).

Lưu ý: Tháo gỡ cho các gian phòng đông người của nhóm F1.1 trước không cho xây dựng quá tầng 2.

8.4- Bổ sung trường hợp khoang cháy Nhà sản xuất:

- Nhà bậc IV, hạng C, cấp S0 S1 cho phép cao đến 3 tầng (tối đa 22m) diện tích khoang cháy 1.400m² với điều kiện nhà trang bị chữa cháy tự động.

- Đối với nhà chế biến gỗ giảm khoang cháy từ 25.000m² xuống 10.400m² với nhà bậc III cấp S0, S1 và 5.200m² với nhà bậc IV cấp S0, S1.

- Trường hợp các dấu “-” trong bảng tra khoang cháy cho phép áp dụng theo tiêu chuẩn NFPA 5000 (Bảng H.9).

- Bổ sung trường hợp khoang cháy nhà chăn nuôi: Nhà Bậc IV, hạng C, cho phép cao 3 tầng (tối đa 22m) có diện tích khoang cháy 1.400m² với cấp S0, S1; cấp S2, S3 là 1.100m² khi nhà trang bị chữa cháy tự động (Bảng H.10).

- Bổ sung trường hợp khoang cháy nhà kho:

+ Nhà bậc IV chịu lửa, hạng C, cấp S0, S1 với khoang cháy 1.600m² đối với nhà 2 và 3 tầng trở lên; cho phép tối đa 4 tầng (22m) nếu 4 tầng thì phải trang bị sprinkler;

+ Nhà bậc IV, hạng E, cấp S0, S1 cho phép cao 3-4 tầng (22m) với diện tích khoang cháy 2.200m².

+ Gara xe bậc IV, 2 tầng trở lên nếu chủ công trình không yêu cầu hạn chế về thiệt hại thì cho phép không bảo vệ chịu lửa sàn các tầng với điều kiện thang thoát nạn được bố trí sát biên.

- Phần nhà được ngăn cách thành khoang cháy riêng thì cho phép áp dụng phụ lục H cho riêng phần nhà đó (được áp dụng diện tích và chiều cao bố trí khác so với tổng thể nhà chung).

Lưu ý: Cho phép tăng hơn quy định trước về diện tích, chiều cao, số tầng và phạm vi áp dụng của một số nhóm nhà trong Phụ lục H.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, nghiêm túc thực hiện, khắc phục các tồn tại để đảm bảo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Đội 2.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trưng tá Ngô Hải Nam